

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2021

V/v tranh chấp về Ly hôn, về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Nguyễn Thị Ly;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 608/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 4, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành H thông qua mai mối và

tìm hiểu, chị L và anh H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng thường hay uống rượu, không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay khoảng 04 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột (xã B, huyện C) sinh sống và không còn chung sống từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành H. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Thành H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ (L) về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Trước đây, nghề nghiệp của anh là thợ hồ, nhưng thời gian cách nay khoảng hơn 01 năm do bị bệnh nên anh không lên giàn giáo để xây dựng nên nghĩ công việc thợ hồ ở nhà nên anh có uống rượu, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến cách nay khoảng hơn 03 tháng thì vợ dẫn con về nhà cha mẹ vợ (xã B, huyện C) sinh sống và không còn chung sống từ đó đến nay. Nay đối với yêu cầu ly hôn của vợ, anh không đồng ý vì con thương vợ, yêu cầu được hàn gắn. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ, thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh H trình bày: Không đồng ý ly hôn với chị L, yêu cầu được hàn gắn, vì còn thương vợ. Trường hợp, Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý để vợ được tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Thành H tự tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường cự cãi và ly thân. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy, ông H không đồng ý ly hôn và xin thời gian hàn gắn hạnh phúc

với bà L, Tòa án đã cho thời gian để cả hai cùng hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng bà L cương quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012. Hiện, cháu M đang sống với bà L. Tại phiên tòa, ông H đồng ý để bà L nuôi con, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng cần xem xét đến điều kiện phát triển của con chưa thành niên. Hiện, cháu M đang sống chung với bà L vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và có nguyện vọng sống chung với bà L nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, tiếp tục giao cháu cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Thành H.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012, ông Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành H, anh H có nơi cư trú ấp Thị 1, thị trấn M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành H. Chị L và anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo, chị L trình bày nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được là do anh H thường hay uống rượu, không quan tâm gia đình, chị khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh H không thay đổi tính tình nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung khoảng 04 tháng đến nay. Anh H thừa nhận có uống rượu, vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, nên chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, yêu cầu được hàn gắn, vì còn thương vợ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H xuất phát từ việc anh H thường hay uống rượu, không quan tâm gia

đình nên vợ chồng thường cãi vã nhau trong sinh hoạt hằng ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn trầm trọng nhiều hơn, không thể hàn gắn được nên chị L đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng anh H và chị L không hàn gắn được và tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn kiên quyết ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L, anh H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung, anh H đồng ý để chị L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, con chung. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức, xã hội và cháu M có nguyện vọng được sống chung cùng chị L. Do đó, có cơ để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Theo đó, chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M.

[4] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị L, anh H cùng thống nhất tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị L, anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Thành H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131, ngày 16 tháng 11 năm 2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thành H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Mỹ M, sinh ngày 21/9/2012 (hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thành H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thành H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Thành H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị L và anh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013689 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 21/10/2020. Chị L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

